

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ BÌNH MINH PHÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110./NQ-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BÌNH MINH PHÁT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng Hoà xã Hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 334/2025/1750/01-CTTD-ĐB ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá PSD- Chi nhánh Đông Bắc;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Minh Phát;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 31./12./2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua mức giá bán (đã bao gồm VAT, chưa bao gồm kinh phí bảo trì) đối với nhà ở công nhân số 03 (NOCN 01-03) và thuộc Dự án Khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội tại phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên là 15.800.000 (đồng)/mét vuông (*Mười năm triệu tám trăm ngàn đồng trên mét vuông*).

Điều 2. Giao ông Vũ Văn Tình - Giám đốc Công ty tiến hành các bước tiếp để triển khai công tác bán hàng của dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám đốc và các phòng ban Công ty căn cứ quyết định để thi hành./.

Nơi nhân:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TOẠ
CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
BÌNH MINH PHÁT
P. TÍCH LƯƠNG - T. THÁI NGUYÊN
Vũ Văn Tình



BẢNG GIÁ CÔNG KHAI

DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÔNG NHÂN, NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI PHƯỜNG TÍCH LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN
TÒA NHÀ Ở NOCN 01-03 (NOCN 03)

(Kèm theo văn bản số 110/NQ - HDQT, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần đầu tư Bình Minh Phát)

STT	TẦNG	TÊN CĂN HỘ	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH THÔNG THỦY (m ²)	DIỆN TÍCH TİM TƯỜNG (m ²)	VỊ TRÍ	HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN	GIÁ BÁN (Gồm VAT, chưa gồm KPBT) (đ/m ²)	TỔNG GIÁ BÁN (Gồm VAT, chưa gồm KPBT) (đ/m ²)
1	1	S01	1	53,3	59,12	Góc	1,06	16.748.000	892.668.400
2	1	S02	1	59,3	65,49	Lỗi	1,04	16.432.000	974.417.600
3	1	S03	1	59,3	65,49	Lỗi	1,02	16.116.000	955.678.800
4	1	S04	1	53,3	59,12	Lỗi	1,02	16.116.000	858.982.800
5	1	S05	1	53,3	59,12	Góc	1,06	16.748.000	892.668.400
6	1	S06	1	53,3	59,12	Góc	1,06	16.748.000	892.668.400
7	1	S07	1	58,9	65,52	Lỗi	1,04	16.432.000	967.844.800
8	1	S08	1	53,3	59,12	Lỗi	1,04	16.432.000	875.825.600
9	1	S09	1	53,3	59,12	Góc	1,06	16.748.000	892.668.400
10	2	CH01	1	52,9	57,57	Góc	0,99	15.642.000	827.461.800
11	2	CH02	1	52,9	57,57	Lỗi	0,95	15.010.000	794.029.000
12	2	CH03	1	52,9	57,57	Lỗi	0,93	14.694.000	777.312.600
13	2	CH04	1	52,9	57,57	Lỗi	0,93	14.694.000	777.312.600
14	2	CH05	1	52,9	57,57	Góc	0,99	15.642.000	827.461.800
15	2	CH06	1	52,9	57,57	Góc	0,99	15.642.000	827.461.800
16	2	CH07	1	67,3	73,29	Lỗi	0,99	15.642.000	1.052.706.600
17	2	CH08	1	53	57,58	Lỗi	0,95	15.010.000	795.530.000
18	2	CH09	1	52,9	57,57	Lỗi	0,95	15.010.000	794.029.000
19	2	CH10	1	52,9	57,57	Góc	0,99	15.642.000	827.461.800



STT	TẦNG	TÊN CĂN HỘ	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH THÔNG THỦY (m ²)	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m ²)	VỊ TRÍ	HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN	GIÁ BÁN (Gồm VAT, chưa gồm KPBT) (đ/m ²)	TỔNG GIÁ BÁN (Gồm VAT, chưa gồm KPBT) (đ/m ²)
20	3	CH01	1	52,9	57,57	Góc	1,01	15.958.000	844.178.200
21	3	CH02	1	52,9	57,57	Lỗi	0,97	15.326.000	810.745.400
22	3	CH03	1	52,9	57,57	Lỗi	0,95	15.010.000	794.029.000
23	3	CH04	1	52,9	57,57	Lỗi	0,95	15.010.000	794.029.000
24	3	CH05	1	52,9	57,57	Góc	1,01	15.958.000	844.178.200
25	3	CH06	1	52,9	57,57	Góc	1,01	15.958.000	844.178.200
26	3	CH07	1	67,3	73,29	Lỗi	1,01	15.958.000	1.073.973.400
27	3	CH08	1	53	57,58	Lỗi	0,97	15.326.000	812.278.000
28	3	CH09	1	52,9	57,57	Lỗi	0,97	15.326.000	810.745.400
29	3	CH10	1	52,9	57,57	Góc	1,01	15.958.000	844.178.200
30	4	CH01	1	52,9	57,57	Góc	1,02	16.116.000	852.536.400
31	4	CH02	1	52,9	57,57	Lỗi	0,98	15.484.000	819.103.600
32	4	CH03	1	52,9	57,57	Lỗi	0,96	15.168.000	802.387.200
33	4	CH04	1	52,9	57,57	Lỗi	0,96	15.168.000	802.387.200
34	4	CH05	1	52,9	57,57	Góc	1,02	16.116.000	852.536.400
35	4	CH06	1	52,9	57,57	Góc	1,02	16.116.000	852.536.400
36	4	CH07	1	67,3	73,29	Lỗi	1,03	16.274.000	1.095.240.200
37	4	CH08	1	53	57,58	Lỗi	0,98	15.484.000	820.652.000
38	4	CH09	1	52,9	57,57	Lỗi	0,98	15.484.000	819.103.600
39	4	CH10	1	52,9	57,57	Góc	1,02	16.116.000	852.536.400
40	5	CH01	1	52,9	57,57	Góc	1,03	16.274.000	860.894.600
41	5	CH02	1	52,9	57,57	Lỗi	0,99	15.642.000	827.461.800

69777-C
 G TY
 ĐẦU TƯ
 PHÁT
 T. THÁI N

STT	TẦNG	TÊN CĂN HỘ	SỐ CĂN	DIỆN TÍCH THÔNG THỦY (m ²)	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m ²)	VỊ TRÍ	HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN	GIÁ BÁN (Gồm VAT, chưa gồm KPBT) (đ/m ²)	TỔNG GIÁ BÁN (Gồm VAT, chưa gồm KPBT) (đ/m ²)
42	5	CH03	1	52,9	57,57	Lỗi	0,97	15.326.000	810.745.400
43	5	CH04	1	52,9	57,57	Lỗi	0,97	15.326.000	810.745.400
44	5	CH05	1	52,9	57,57	Góc	1,03	16.274.000	860.894.600
45	5	CH06	1	52,9	57,57	Góc	1,03	16.274.000	860.894.600
46	5	CH07	1	67,3	73,29	Lỗi	1,04	16.432.000	1.105.873.600
47	5	CH08	1	53	57,58	Lỗi	0,99	15.642.000	829.026.000
48	5	CH09	1	52,9	57,57	Lỗi	0,99	15.642.000	827.461.800
49	5	CH10	1	52,9	57,57	Góc	1,03	16.274.000	860.894.600

